TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỔ YÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 13/2024/QĐST-KDTM	*Phổ Yên, ngày 25 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, Điều 465, 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 21/2024/TLST-KDTM ngày 05 tháng 9 năm 2024.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần M;

Địa chỉ trụ sở: Tầng 12, Toà nhà Việt Á, số 9 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T-Chức vụ Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy T-Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ pháp lý Miền Bắc;

Người nhận uỷ quyền lại: Ông Luân Minh T-Chuyên Viên xử lý nợ.

- **Bị đơn**: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố ST, phường BS, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Thiên H, sinh năm 1992 và anh Trần Đăng M, sinh năm 1988; Cùng địa chỉ: Tổ dân phố S T, phường BS, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

(Bà M, chị H, anh M uỷ quyền cho ông L-Văn bản uỷ quyền ngày 16/9/2024).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1- Về nghĩa vụ trả khoản tiền nợ: Công ty cổ phần M (đại diện theo uỷ quyền lại ông Luân Minh T) và ông Nguyễn Văn L nhất trí thoả thuận như sau:

Ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm liên đới trả toàn bộ khoản tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/12/2024 là: 1.269.486,190 (một tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn một trăm chín mươi đồng) trong đó nợ gốc là: 840.000.000đồng + thẻ tín dụng 21.000.000đồng; lãi trong hạn là: 60, 964,618 đồng lãi quá hạn của khoản vay 245,360,227 đồng + 62.555,940 đồng thẻ tín dụng và lãi chậm trả của khoản vay tín dụng là: 30,605,324 đồng) cho Công ty cổ phần M. Theo hợp đồng tín dụng số LN2206075938067 ký ngày 22/06/2022 và thẻ tín dụng số 236-P-6872028 mở ngày 5/7/2022.

2.2- Thời hạn và phương thức trả nợ: Công ty cổ phần M và ông L, bà M nhất trí thoả thuận như sau: Chậm nhất đến ngày 17/12/2024 ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm liên đới trả toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 17/10/2024 là: 1.269.486,190 (một tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn một trăm chín mươi đồng) trong đó nợ gốc là: 840.000.000đồng + thẻ tín dụng 21.000.000đồng; lãi trong hạn là: 60, 964,618 đồng lãi quá hạn của khoản vay 245,360,227 đồng + 62.555,940 đồng thẻ tín dụng và lãi chậm trả của khoản vay tín dụng là: 30,605,324 đồng) cho Công ty cổ phần M.

2.3. Về tiền lãi: Kể từ ngày tiếp theo của ngày thoả thuận (18/10/2024), ông L, bà M còn phải tiếp tục chịu tiền lãi chậm trả phát sinh thêm, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Công ty cổ phần M theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.4. Về việc duy trì hợp đồng thế chấp: Công ty cổ phần M và ông L, bà M, bà H, ông M nhất trí thoả thuận như sau: Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 1199; tờ bản đồ số: 6, tại địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường BS, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường BS, thành phố P Y Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên) có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX681862, Số vào sổ cấp GCN: CS00979 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 07/08/2022 đứng tên bà Nguyễn Thị Thiên H và ông Trần Đăng M. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 75938067 ký ngày 22/06/2022 tại Văn phòng công chứng Phía Nam thành phố Thái Nguyên.

Trong trường hợp ông L, bà M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên tiến hành kê biên, phát mại tài sản thế chấp trên để xử lý, thu hồi nợ cho Công ty công ty cổ phần M theo Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết gồm đất và tài sản trên đất (Có sơ đồ đo đất kèm theo).

Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được dùng để trả nợ cho Công ty cổ phần M còn thừa thì được trả lại cho bà H và ông M. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Công Ty cổ phần M thì ông L, bà M phải trả tiếp phần còn thiếu đó.

2.5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí đo đất: Công ty M và ông L, bà M thống nhất thoả thuận: Công ty cổ phần M đã tự nguyện chi phí toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đất, không yêu cầu ông L, bà M phải chịu và không yêu cầu Toà án phải giải quyết.

2.6. Về án phí: Công ty M và ông L, bà M nhất trí thoả thuận: Ông L, bà M chịu toàn bộ án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật (1.269.486,190 = (36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng : 2) số tiền phải nộp là: 25.042.292 đồng (hai mươi lăm triệu không trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm chín hai đồng) để nộp ngân sách Nhà nước. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần M 23.092.100đồng (hai mươi ba triệu không trăm chín mươi hai nghìn một trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0001823 ngày 26/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố PY.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên)

Hà Thị Thu Thủy

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố PY;
- UBND phường BS;
- Chi cục Thi hành án DS TP PY;
- Cổng thông tin điện tử của TANDTC;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.